

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 31/2021/HNGĐ-ST

Ngày 01 tháng 7 năm 2021

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thu Hiền và bà Hoàng Thị Len

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tiến Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Minh Hồng – Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 31/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Lan A, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn V, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình. Có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh S, sinh năm 1987; nơi cư trú: H, M, Vitosha 5, Bulgaria. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn chị Phạm Thị Lan A trình bày:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lan A và anh S tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 11 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Tuy nhiên, sau khi kết hôn, anh S viện cớ có việc gấp phải về nước. Từ đó đến

nay, chị Lan A đã liên lạc nhưng không có hồi âm. Từ lúc kết hôn đến nay, do khoảng cách địa lý nên anh chị không chung sống với nhau, không gặp cũng như không được quan tâm. Anh chị không thể hòa hợp cũng như không thể làm vợ chồng được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh S.

2. Về con chung: Anh chị chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh S trình bày:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Về quá trình tìm hiểu, đăng ký kết hôn và chung sống giống như chị Lan A trình bày. Sau khi kết hôn, anh về nước làm các thủ tục để đưa chị Lan A sang Bulgaria sống cùng anh nhưng gặp nhiều khó khăn nên không thể hoàn thành các thủ tục này. Từ đó đến nay, anh và chị Lan A không gặp nhau nữa, không hề sống chung với nhau. Vì thế tình cảm của anh chị dần dần phai nhạt, không quan tâm đến nhau, không lo lắng cho nhau nữa. Nay chị Lan A xin ly hôn, anh hoàn toàn đồng ý.

2. Về con chung: Anh chị chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đều tuân thủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung, có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị Lan A và anh S đã được Tòa án tổng đạt

hợp lệ các văn bản tố tụng, đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh chị là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của chị Phạm Thị Lan A và anh S là hợp pháp. Cả hai đều thừa nhận không hề sống chung với nhau, không quan tâm, không lo lắng cho nhau, vì thế tình cảm vợ chồng dần dần phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được, anh S cũng có quan điểm đồng ý ly hôn chị Lan A nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Lan A ly hôn anh S là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị đều xác định chưa có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị đều xác định không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị Lan A phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Lan A được ly hôn anh S.
2. Về con chung: Chị Phạm Thị Lan A và anh S không có con chung nên không đặt ra giải quyết.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị Lan A và anh S không có tài sản chung, nợ chung nên không đặt ra giải quyết.
4. Về án phí: Chị Phạm Thị Lan A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị Lan A đã nộp tại biên lai số 0009899 ngày 21/01/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thành án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Lan A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ; anh S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- UBND huyện T, tỉnh Thái Bình;
- UBND xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Hà

